

TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2019

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...S.....
	Ngày: 17/6/2019...

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đặc xá ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 11, Điều 19, khoản 1 Điều 21 của Luật Đặc xá về thực hiện Quyết định về đặc xá, điều kiện, hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá đối với người nước ngoài, trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá và thẩm định hồ sơ đề nghị đặc xá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, người bị kết án phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn, người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù (sau đây gọi chung là người bị kết án phạt tù).

2. Cơ quan, tổ chức, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người nước ngoài cư trú ở Việt Nam, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến hoạt động đặc xá.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Thực hiện Quyết định về đặc xá

Khi có Quyết định về đặc xá và Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đặc xá của Chủ tịch nước, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức liên quan giúp Chính phủ, Hội đồng tư vấn đặc xá triển khai thực hiện Quyết định về đặc xá, Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đặc xá.

Điều 4. Các điều kiện của người được đề nghị đặc xá

1. Người bị kết án phạt tù có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt và được xếp loại chấp hành án phạt tù khá hoặc tốt theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Luật Đặc xá là người đã chấp hành nghiêm Nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, tích cực học tập, lao động, cải tạo và các quý đã đủ thời gian xếp loại trong quá trình chấp hành án phạt tù được xếp loại khá hoặc tốt.

2. Người bị kết án phạt tù đã thi hành xong nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 Luật Đặc xá là người thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã thi hành xong nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác theo bản án, quyết định của Tòa án;

b) Có quyết định đình chỉ thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;

c) Có văn bản đề nghị của người được thi hành án hoặc đại diện hợp pháp của người được thi hành án về việc không phải thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác theo bản án, quyết định của Tòa án đối với tài sản không thuộc sở hữu nhà nước.

3. Người bị kết án phạt tù đã thi hành được một phần nghĩa vụ tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác nhưng do lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp chưa có điều kiện thi hành tiếp phần còn lại là trường hợp người đó và gia đình không còn tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án và không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng.

4. Người bị kết án phạt tù đã lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Luật Đặc xá là người thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã có hành động giúp trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phát hiện, truy bắt, điều tra, xử lý tội phạm;

b) Cứu được tính mạng người khác hoặc tài sản lớn (có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên) của Nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hỏa hoạn;

c) Có những phát minh, sáng kiến có giá trị lớn hoặc thành tích đặc biệt xuất sắc khác được trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xác nhận.

Người đã có quyết định thi hành án phạt tù lập công lớn trong thời gian chờ đưa đến trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để chấp hành án phạt tù cũng được coi là lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù.

5. Người bị kết án phạt tù đang mắc bệnh hiểm nghèo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Luật Đặc xá là người mắc một trong các bệnh: Ung thư giai đoạn cuối; liệt; lao nặng kháng thuốc; xơ gan cổ chướng; suy tim độ III trở lên; suy thận độ IV trở lên; bệnh HIV giai đoạn lâm sàng IV đang có nhiễm trùng cơ hội, không có khả năng tự phục vụ bản thân và có tiên lượng xấu, nguy cơ tử vong cao hoặc mắc bệnh khác mà được Hội đồng giám định y khoa hoặc bệnh viện cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên kết luận bằng văn bản là không tự phục vụ bản thân, nguy cơ tử vong cao.

6. Người bị kết án phạt tù đang ốm đau thường xuyên mà không tự phục vụ bản thân quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Luật Đặc xá là người đang phải nằm điều trị tại bệnh xá, bệnh viện liên tục từ 03 tháng trở lên hoặc không liên tục nhưng phải nằm điều trị tại bệnh viện từ ba lần trở lên, mỗi lần từ 01 tháng trở lên, không tự phục vụ bản thân, có kết luận bằng văn bản của Hội đồng giám định y khoa hoặc bệnh viện cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên.

7. Người bị kết án phạt tù có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và bản thân là lao động duy nhất trong gia đình quy định tại điểm e khoản 3 Điều 11 Luật Đặc xá là trường hợp gia đình của người bị kết án phạt tù đang lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn do tai nạn, ốm đau, thiên tai, hỏa

hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác dẫn đến không còn tài sản gì đáng kể, không có thu nhập hoặc thu nhập dưới mức chuẩn hộ nghèo hoặc có bố đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con ốm nặng kéo dài, không có người chăm sóc mà người đó là lao động duy nhất trong gia đình, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gia đình người đó cư trú xác nhận là đúng.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị đặc xá

Hồ sơ đề nghị đặc xá bao gồm các văn bản, tài liệu quy định tại Điều 14 Luật Đặc xá, cụ thể như sau:

1. Đơn đề nghị đặc xá của người bị kết án phạt tù theo mẫu của Hội đồng tư vấn đặc xá ban hành trong mỗi đợt đặc xá.

2. Bản cam kết của người bị kết án phạt tù về việc không vi phạm pháp luật, tiếp tục chấp hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác nếu chưa thi hành xong và chấp hành các hình phạt bổ sung khác (nếu có) theo mẫu của Hội đồng tư vấn đặc xá như: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; trục xuất.

3. Đối với trường hợp người bị kết án phạt tù là người đã lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù, người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng; người đang mắc bệnh hiểm nghèo, người đang ốm đau thường xuyên mà không tự phục vụ bản thân; khi phạm tội là người dưới 18 tuổi; người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù; người từ đủ 70 tuổi trở lên; phụ nữ có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi đang ở với mẹ trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ; người có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và bản thân là lao động duy nhất trong gia đình; người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải có tài liệu chứng minh sau đây tương ứng với từng trường hợp:

a) Bản tường trình về lập công của người bị kết án phạt tù; đề nghị bằng văn bản khen thưởng cho người bị kết án phạt tù của cán bộ trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc Cơ quan điều tra sử dụng người bị kết án phạt tù để phục vụ công tác điều tra; xác nhận hoặc bản sao quyết định khen thưởng về việc người bị kết án phạt tù lập công lớn trong quá trình chấp hành án phạt tù của Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc Cơ quan điều tra sử dụng người bị kết án phạt tù để phục vụ công tác điều tra;

b) Tài liệu chứng minh người bị kết án phạt tù là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; bản sao quyết định tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động, Dũng sĩ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bản sao Huân chương, Huy chương Kháng chiến;

Trường hợp người bị kết án phạt tù là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” hoặc người có công nuôi dưỡng liệt sĩ khi còn nhỏ phải có giấy xác nhận hoặc bản sao giấy tờ chứng minh do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù cư trú trước khi phạm tội hoặc đơn vị nơi người bị kết án phạt tù đã công tác, học tập trước khi phạm tội xác nhận. Trường hợp người bị kết án phạt tù là bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi hợp pháp của liệt sĩ, người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” hoặc con nuôi hợp pháp của “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” phải có xác nhận hoặc bản sao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù cư trú hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ cư trú trước khi hy sinh, nơi cư trú của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

c) Kết luận của Hội đồng giám định y khoa hoặc bản sao bệnh án, kết luận của bệnh viện cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên đối với người bị kết án phạt tù đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang ốm đau thường xuyên, người bị kết án phạt tù đang có thai;

Các tài liệu chứng minh người bị kết án phạt tù bị bệnh hiểm nghèo hoặc ốm đau thường xuyên chỉ có giá trị trong thời gian 06 tháng, tính đến ngày Hội đồng xét đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện họp xem xét, lập hồ sơ đề nghị đặc xá;

d) Bản sao giấy khai sinh hoặc bản trích sao phần bản án đối với người bị kết án phạt tù khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù, người từ đủ 70 tuổi trở lên;

đ) Bản sao giấy khai sinh hoặc bản sao giấy chứng sinh của con để xác định người bị kết án phạt tù là phụ nữ có con dưới 36 tháng tuổi đang ở với mẹ trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ;

e) Bản sao giấy xác nhận khuyết tật nặng, đặc biệt nặng do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù cư trú trước khi thi hành án hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù chấp hành án; bản sao Quyết định của Tòa án có thẩm quyền tuyên bố người bị kết án phạt tù có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật dân sự;

g) Văn bản của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xác nhận người bị kết án phạt tù đã thi hành được một phần nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp chưa có điều kiện thi hành tiếp phần còn lại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án.

4. Bản chính hoặc bản sao văn bản, tài liệu thể hiện việc người bị kết án chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, nộp án phí, nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác như: Các biên lai, hóa đơn, chứng từ thể hiện việc này hoặc Quyết định miễn hình phạt tiền, miễn nộp án phí của Tòa án, Quyết định đình chỉ thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền hoặc văn bản thỏa thuận của người được thi hành án hoặc đại diện hợp pháp của người đó về việc không phải thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác theo bản án, Quyết định của Tòa án được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan thi hành án dân sự đang thụ lý vụ việc đó xác nhận hoặc các văn bản, tài liệu khác thể hiện việc này.

5. Bản chính hoặc bản sao văn bản của người được thi hành án đồng ý cho người bị kết án phạt tù hoãn thi hành hoặc không phải thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác đối với tài sản không thuộc sở hữu của Nhà nước.

6. Đối với người bị kết án phạt tù là người nước ngoài phải có bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và thị thực nhập cảnh (nếu có).

7. Văn bản đề nghị đặc xá của Hội đồng xét, đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Tòa án quân sự cấp quân khu theo mẫu do Hội đồng tư vấn đặc xá ban hành trong mỗi đợt đặc xá.

8. Đối với người bị kết án phạt tù đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Điều này còn phải có quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; văn bản nhận xét của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

Điều 6. Thực hiện Quyết định đặc xá đối với người nước ngoài

1. Khi có Quyết định đặc xá đối với người nước ngoài, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao thông báo ngay cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người được đặc xá là công dân biết và đề nghị phối hợp thực hiện Quyết định đặc xá.

2. Sau khi công bố Quyết định đặc xá, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trả tự do cho người nước ngoài theo Quyết định đặc xá và thông báo cho Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan khác được Bộ Ngoại giao ủy quyền để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người được đặc xá là công dân biết.

3. Người nước ngoài được đặc xá trong thời gian chờ làm các thủ tục xuất cảnh theo quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định cho lưu trú tại cơ sở lưu trú.

Quyết định người nước ngoài được đặc xá lưu trú tại cơ sở lưu trú được gửi tới Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan khác được Bộ Ngoại giao ủy quyền để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người được đặc xá là công dân và được thực hiện ngay.

4. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm bàn giao người nước ngoài được đặc xá cho cơ sở lưu trú theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và quyết định người nước ngoài được đặc xá lưu trú tại cơ sở lưu trú.

5. Việc tổ chức quản lý và các chế độ đối với người nước ngoài được đặc xá lưu trú tại cơ sở lưu trú thực hiện theo quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú trong thời gian chờ xuất cảnh theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

6. Khi đã đầy đủ các thủ tục xuất cảnh, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan khác được Bộ Ngoại giao ủy quyền thông báo và đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người được đặc xá là công dân biết để phối hợp thực hiện.

Điều 7. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định về đặc xá được niêm yết, phổ biến, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức cho người bị kết án phạt tù viết Đơn đề nghị đặc xá và Bản cam kết theo mẫu.

2. Sau khi nhận được đơn đề nghị đặc xá của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức cho tập thể đội (tổ) phạm nhân

họp bình xét, bỏ phiếu kín, giới thiệu người được đề nghị đặc xá nếu có đội (tổ) phạm nhân. Cán bộ quản giáo phụ trách đội (tổ) phạm nhân có trách nhiệm tổng hợp kết quả cuộc họp bằng biên bản và đề xuất ý kiến về việc đề nghị đặc xá đối với người bị kết án phạt tù do mình phụ trách.

3. Căn cứ quy định của pháp luật về đặc xá, Quyết định về đặc xá và kết quả cuộc họp của đội (tổ) phạm nhân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập danh sách, hồ sơ của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá.

Điều 8. Thẩm định hồ sơ đề nghị đặc xá

1. Tổ thẩm định liên ngành trực tiếp làm việc với Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu để nghe báo cáo kết quả xét đề nghị đặc xá và thẩm định hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá.

2. Khi thẩm định hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá, thành viên tổ thẩm định liên ngành phải đối chiếu văn bản đề nghị đặc xá với hồ sơ gốc của người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, người bị kết án phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn và hồ sơ của người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù bảo đảm chính xác, đúng đối tượng, điều kiện.

3. Sau khi thẩm định từng hồ sơ, thành viên Tổ thẩm định liên ngành có trách nhiệm ghi rõ vào phần ý kiến của Tổ thẩm định liên ngành trong văn bản đề nghị đặc xá. Trường hợp không đủ điều kiện đề nghị đặc xá phải ghi rõ lý do.

Trường hợp còn vướng mắc hoặc phải cân nhắc kỹ thì thành viên Tổ thẩm định liên ngành báo cáo và đưa ra Tổ thẩm định liên ngành thống nhất, quyết định. Trường hợp không thống nhất được thì phải lấy biểu quyết của các thành viên, ghi rõ tỷ lệ đồng ý đề nghị đặc xá và tỷ lệ không đồng ý đề nghị đặc xá của các thành viên vào phần ý kiến của Tổ thẩm định liên ngành trong văn bản đề nghị đặc xá.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Nghị định số 76/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá năm 2007 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). 1/0



Nguyễn Xuân Phúc